TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Trần Đăng Khoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5237/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 199/TB-TA ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Thu A, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà 02, ngách 02, ngõ 02, Tổ dân phố D, thị trấn E, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh LEE B, sinh năm 1966; nơi cư trú: 195, F, G, H, I, Korea (Hàn Quốc); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn chị Hồ Thị Thu A trình bày: Chị và anh Lee B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 28 tháng 6 năm 2016 và đã ghi chú tại Uỷ ban nhân dân huyện C thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 7 năm 2016. Sau khi kết hôn, anh Lee

B quay trở lại Hàn Quốc, chị A ở lại Việt Nam. Thời gian này hai anh chị chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, do tính cách không phù hợp, ngôn ngữ bất đồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặt khác, anh JaeWoo không có ý định bảo lãnh cho chị A sang Hàn Quốc, hai vợ chồng chưa từng chung sống với nhau kể từ khi kết hôn. Nay chị A xác định không có khả năng duy trì được quan hệ hôn nhân nên đề nghị ly hôn với anh Lee B.

Về con chung: Chị A khai chị và anh Lee B không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị A khai chị và anh Lee B không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với kết quả ủy thác cho bị đơn anh Lee B:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Bộ Tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nội dung câu hỏi yêu cầu anh Lee B trả lời để cung cấp thông tin cho Tòa án có căn cứ giải quyết vụ án. Ngày 29/7/2019, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 2149/BTP-PLQT ngày 18/7/2019 của Bộ Tư pháp cho biết, Cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được uỷ thác tư pháp với lý do địa chỉ người nhận không rõ ràng. Sau đó, Tòa án đã có văn bản đề nghị đăng tải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa: Chị Hồ Thị Thu A vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lee B vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn anh Lee B theo đúng quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Hồ Thị Thu A và anh Lee B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 28 tháng 6 năm 2016 và đã ghi chú tại Uỷ ban nhân dân huyện C thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 7 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hồ Thị Thu A được ly hôn với anh Lee B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, anh Lee B hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Việc ủy thác tư pháp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Lee B đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, anh Lee B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Lee B theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thu A và anh Lee B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 28 tháng 6 năm 2016 và đã ghi chú tại Uỷ ban nhân dân huyện C thành phố Hải Phòng vào ngày 19 tháng 7 năm 2016. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Lee B quay trở lại Hàn Quốc, chị A ở lại Việt Nam. Thời gian anh Lee B về Hàn Quốc, hai vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, do tính cách không phù hợp, ngôn ngữ bất đồng nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặt khác, anh JaeWoo không có ý định bảo lãnh cho chị A sang Hàn Quốc, hai vợ chồng chưa từng chung sống với nhau kể từ khi kết hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Hồ Thị Thu A và anh Lee B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Thu A.

[3] Về con chung: Chị Hồ Thị Thu A khai chị và anh Lee B không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Hồ Thị Thu A khai vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị Hồ Thị Thu A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị Thu A và anh Lee B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228,

Điều 238, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Thu A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Thu A được ly hôn anh Lee B.

2. Về con chung: Chị Hồ Thị Thu A khai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Hồ Thị Thu A khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp:

Chị Hồ Thị Thu A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001649 ngày 05 tháng 3 năm 2019. Chị Hồ Thị Thu A phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* chi phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng*(Hai trăm nghìn đồng)* tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp đã nộp theo Biên lai thu số 0001650 ngày 05 tháng 3 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Hồ Thị Thu A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp.

Chị Hồ Thị Thu A có nghĩa vụ nộp tiền lệ phí ủy thác tống đạt bản án ra nước ngoài tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Toà án thực hiện việc tống đạt bản án ra nước ngoài sau khi nhận được biên lai thu tiền lệ phí uỷ thác do đương sự nộp.

5.Về quyền kháng cáo:

Chị Hồ Thị Thu A (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Lee B (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện C, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện C, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Dũng